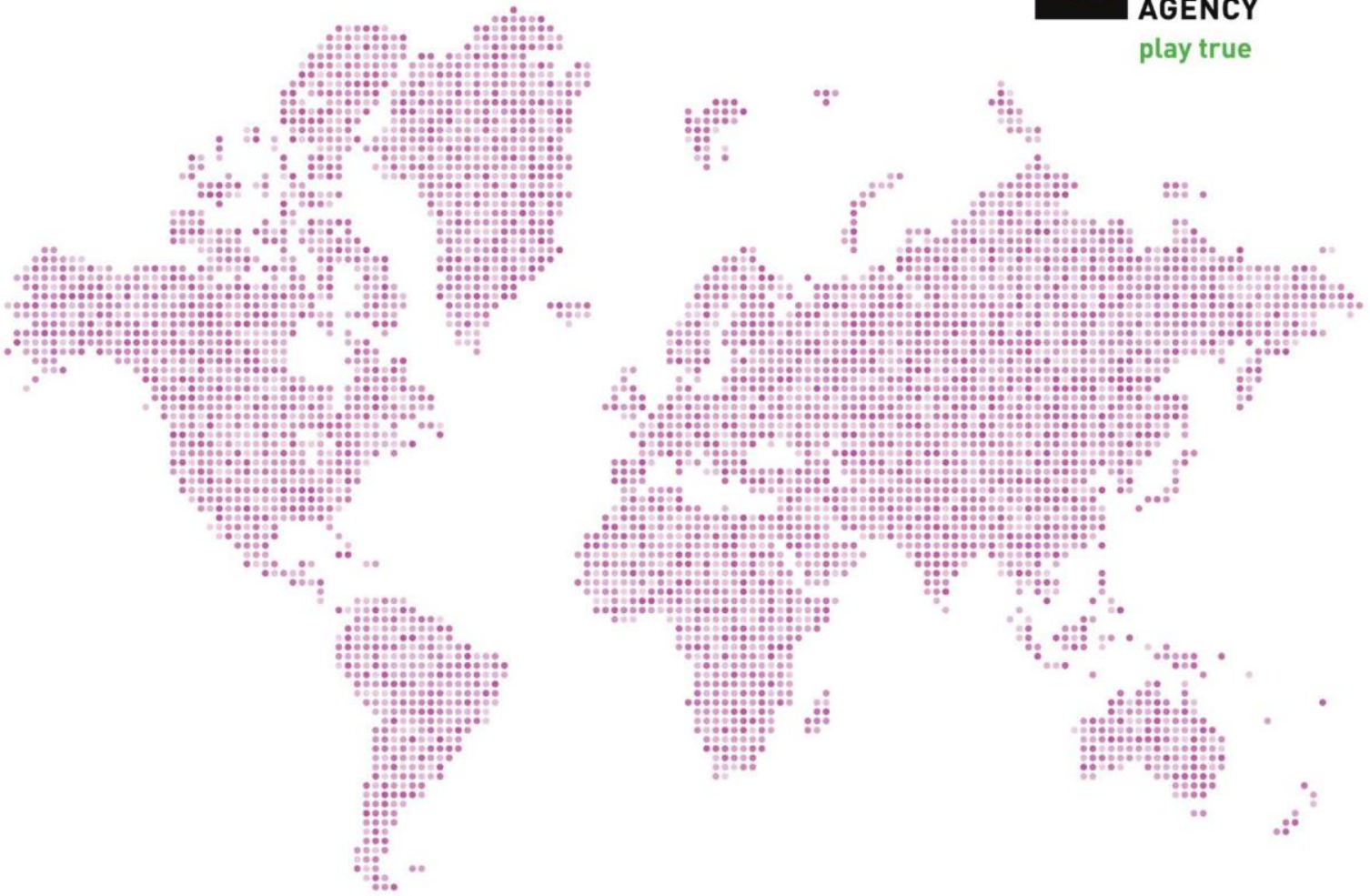


**WORLD
ANTI-DOPING
AGENCY**

play true



**BỘ LUẬT PHÒNG, CHỐNG DOPING THẾ GIỚI
TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ
MIỄN TRỪ DO ĐIỀU TRỊ
(TUE)
NĂM 2021**

Tiêu chuẩn quốc tế về miễn trừ do điều trị

Tiêu chuẩn Quốc tế của Luật phòng chống Doping Thế giới về miễn trừ do điều trị là một tiêu chuẩn Quốc tế bắt buộc, và là một phần của Chương trình phòng chống Doping Thế giới. Tiêu chuẩn này được phát triển trên cơ sở tham vấn của các Bên tham gia ký kết, các cơ quan công quyền và các bên liên quan khác.

Tiêu chuẩn Quốc tế về miễn trừ do điều trị (TUE) được thông qua lần đầu tiên vào năm 2004 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005. Sau đó nó đã được sửa đổi bảy lần, lần đầu tiên có hiệu lực vào tháng 1 năm 2009, lần thứ hai có hiệu lực vào tháng 1 năm 2010, lần thứ ba có hiệu lực vào tháng 1 năm 2011, lần thứ tư có hiệu lực từ tháng 1 năm 2015, lần thứ năm có hiệu lực vào tháng 1 năm 2016, lần thứ sáu có hiệu lực từ tháng 1 năm 2019, và lần thứ bảy có hiệu lực từ tháng 1 năm 2021. Phiên bản sửa đổi này đã được Ủy ban điều hành WADA phê duyệt tại Hội nghị thế giới về phòng chống doping trong thể thao ở Katowice vào ngày 23 tháng 9 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2023.

Xuất bản bởi:
Tổ chức phòng, chống Doping thế giới (WADA)
Stock Exchange Tower
800 Place Victoria (Suite 1700)
PO Box 120
Montreal, Quebec
Canada H4Z 1B7
www.wada-ama.org

Điện thoại: +1 514 904 9232

Fax: +1 514 904 8650

E-mail: code@wada-ama.org



MỤC LỤC

PHẦN MỘT: GIỚI THIỆU, CÁC ĐIỀU KHOẢN CỦA BỘ LUẬT, TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VÀ CÁC ĐỊNH NGHĨA

1. Giới thiệu và phạm vi áp dụng.....3
2. Các điều khoản về Bộ Luật.....4
3. Các định nghĩa và giải thích.....5

PHẦN HAI: CÁC TIÊU CHUẨN VÀ QUY TRÌNH TRONG VIỆC CẤP MIỄN TRỪ DO ĐIỀU TRỊ

4. Tiêu chuẩn cho việc cấp Miễn trừ do điều trị.....15
5. Trách nhiệm của các Tổ chức phòng chống Doping đối với Miễn trừ do điều trị.....19
6. Quy trình đăng ký xin Miễn trừ do điều trị.....24
7. Quy trình công nhận Miễn trừ do điều trị.....27
8. WADA xem xét lại các Quyết định Miễn trừ do điều trị.....29
9. Bảo mật thông tin.....31

Phụ lục 1: Lưu đồ theo Điều 4.4 của Bộ luật



PHẦN MỘT

GIỚI THIỆU, CÁC ĐIỀU KHOẢN CỦA BỘ LUẬT, TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VÀ CÁC ĐỊNH NGHĨA

1.0 Giới thiệu và Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn Quốc tế về Miễn trừ do điều trị là Tiêu chuẩn Quốc tế bắt buộc được xây dựng như một phần của Chương trình phòng chống Doping Thế giới.

Mục đích của Tiêu chuẩn Quốc tế về Miễn trừ do điều trị là thiết lập (a) các điều kiện cấp Miễn trừ do điều trị (hoặc TUE) cho phép Vận động viên có Chất cấm trong Mẫu hoặc Vận động viên được sử dụng, cố gắng sử dụng, sở hữu, quản lý hoặc cố gắng quản lý Chất cấm hoặc Phương pháp cấm vì lý do điều trị; (b) trách nhiệm đặt ra đối với Tổ chức phòng chống Doping đưa ra thông báo quyết định TUE; (c) quy trình để một Vận động viên đăng ký TUE; (d) quy trình để Vận động viên được chấp thuận TUE do Tổ chức phòng chống Doping cấp và được Tổ chức phòng chống Doping khác công nhận; (e) quy trình để WADA xem xét các quyết định TUE; và (f) các điều khoản bảo mật nghiêm ngặt áp dụng cho quy trình TUE.

Các thuật ngữ được sử dụng trong Tiêu chuẩn quốc tế này là các thuật ngữ được định nghĩa từ Bộ luật sẽ được in nghiêng. Các thuật ngữ được định nghĩa trong tiêu chuẩn này hoặc Tiêu chuẩn quốc tế khác được gạch dưới.

2.0 Các điều khoản của Bộ Luật

Các điều sau đây trong Bộ luật 2021 có liên quan trực tiếp đến Tiêu chuẩn quốc tế về Miễn trừ do điều trị; tham khảo thêm tại các Điều:

- Điều 4.4 của Bộ Luật: Miễn trừ do điều trị ("TUE")



- Điều 13.4 của Bộ Luật: Khiếu nại liên quan đến TUE

3.0 Định nghĩa và giải thích

3.1 Các điều khoản Bộ luật 2021 được sử dụng trong Tiêu chuẩn Quốc tế về Miễn trừ do điều trị

ADAMS: Hệ thống Quản trị dữ liệu phòng chống Doping là một công cụ quản lý cơ sở dữ liệu thông qua mạng máy tính để truy cập, nhập, lưu trữ, chia sẻ và công bố thông tin để hỗ trợ các bên liên quan và WADA trong các hoạt động phòng chống Doping phù hợp với luật bảo vệ dữ liệu.

Quản lý (Administration): cung cấp, cung ứng, giám sát, tạo điều kiện, hoặc tham gia vào việc Người khác *sử dụng hoặc cố gắng (cố tình) sử dụng Chất cấm* hoặc *Phương pháp cấm*. Tuy nhiên, định nghĩa này sẽ không bao gồm các hoạt động của nhân viên y tế liên quan đến việc sử dụng *Chất cấm* hoặc *Phương pháp cấm* cho mục đích chữa bệnh thực sự và hợp pháp hoặc lý do biện minh khác có thể chấp nhận được và không bao gồm các hoạt động liên quan đến *Chất cấm* không bị *cấm khi xét nghiệm ngoài thi đấu*, trừ khi chứng minh rằng các *Chất cấm* đó không nhằm mục đích điều trị thực sự hoặc hợp pháp hoặc nhằm mục đích nâng cao thành tích thể thao.

Phát hiện bất lợi khi phân tích (Adverse Analytical Finding): Phát hiện của phòng xét nghiệm được WADA công nhận hoặc phòng xét nghiệm đã được WADA chứng nhận, phù hợp với *Tiêu chuẩn quốc tế* về phòng xét nghiệm Doping, xác định trong *Mẫu* có *Chất cấm* hoặc *Chất chuyển hóa* hoặc *Dấu hiệu* hoặc bằng chứng về việc *sử dụng Phương pháp cấm*.

Tổ chức phòng chống Doping (Anti-Doping Organization): WADA hoặc *Bên ký kết* chịu trách nhiệm thông qua các quy tắc để bắt đầu thực hiện hoặc thi



hành bất kỳ công đoạn nào trong quy trình Kiểm tra Doping. Tổ chức này bao gồm: Ủy ban Olympic quốc tế, Ủy ban Paralympic quốc tế, các Cơ quan tổ chức giải thi đấu lớn có tiến hành kiểm tra Doping tại các giải đấu đó, Liên đoàn quốc tế và Tổ chức phòng chống Doping quốc gia.

Vận động viên (Athlete): Bất kỳ cá nhân nào thi đấu thể thao ở cấp quốc tế (được xác nhận bởi Liên đoàn quốc tế) hoặc cấp quốc gia (được xác nhận bởi *Tổ chức phòng chống Doping quốc gia*). *Tổ chức phòng chống Doping* có toàn quyền áp dụng các Quy định phòng chống Doping cho một Vận động viên cấp quốc tế hoặc vận động viên cấp quốc gia, được gọi là “Vận động viên”. Đối với các Vận động viên là Vận động viên cấp Quốc tế hoặc cấp Quốc gia, *Tổ chức phòng chống Doping* có thể chọn: kiểm tra hoặc không; phân tích ít *Mẫu* hơn trong toàn bộ danh mục *Chất cấm*; yêu cầu thông tin giới hạn; hoặc không yêu cầu TUE trước. Tuy nhiên, nếu bất kỳ Vận động viên được Tổ chức Phòng, Chống Doping chọn để thực hiện thẩm quyền xét nghiệm và thi đấu ở cấp độ dưới mức quốc tế hoặc quốc gia vi phạm Quy định phòng chống Doping theo Điều 2.1, 2.3 hoặc 2.5, thì phải áp dụng Hình thức xử phạt quy định trong Bộ luật. Đối với mục đích của Điều 2.8 và Điều 2.9 và đối với mục đích thông tin và Giáo dục về phòng chống doping, những Người tham gia thể thao theo thẩm quyền của các Bên ký kết, chính phủ hoặc tổ chức thể thao khác chấp nhận Bộ luật đều là Vận động viên.

Chú giải về Vận động viên: Các cá nhân tham gia thể thao có thể thuộc một trong năm loại: 1) Vận động viên cấp quốc tế, 2) Vận động viên cấp quốc gia, 3) Cá nhân không phải là vận động viên cấp quốc tế hoặc cấp quốc gia nhưng đã được Liên đoàn quốc tế hoặc Tổ chức phòng chống Doping quốc gia chọn để thực hiện thẩm quyền, 4) Vận động viên môn thể thao giải trí, và 5) các Cá nhân không có Liên đoàn Quốc tế hoặc Tổ chức phòng chống



Doping Quốc gia nào chọn thực hiện quyền hạn. Tất cả các vận động viên cấp quốc tế và cấp quốc gia đều phải tuân theo quy định phòng, chống Doping của Bộ Luật, với các định nghĩa chính xác về thể thao cấp quốc gia và quốc tế được quy định trong Luật phòng, chống Doping của Liên đoàn quốc tế và các Tổ chức phòng chống Doping quốc gia.

Sử dụng (Attempt): Cố ý có hành vi cấu thành hành vi vi phạm quy định phòng chống doping. Tuy nhiên, hành vi vi phạm quy định phòng chống doping sẽ không chỉ dựa trên một lần thực hiện hành vi vi phạm nếu Người đó không thực hiện nữa trước khi bị bên thứ ba không liên quan phát hiện ra

CAS: Tòa án Trọng tài Thể thao.

Code: Bộ luật phòng chống Doping thế giới.

Cuộc thi đấu (Competition): Một cuộc đua, trận đấu, trò chơi hoặc cuộc thi thể thao đơn lẻ. Ví dụ, một trận đấu bóng rổ hoặc trận chung kết Olympic nội dung 100 mét môn điền kinh. Đối với các cuộc đua theo chặng và các cuộc thi thể thao khác mà giải thưởng được trao hàng ngày hay thành tích được tính trên cơ sở tạm thời khác, thì việc phân biệt giữa Cuộc thi và Giải đấu sẽ được quy định trong luật của Liên đoàn Quốc tế hiện hành.

Giáo dục (education): Quá trình học tập để thấm nhuần các giá trị và phát huy các hành vi bảo vệ tinh thần thể thao, đồng thời ngăn chặn việc cố tình và vô tình sử dụng doping.

Giải đấu (Event): Các Cuộc thi được tiến hành cùng nhau dưới sự kiểm soát của một tổ chức có thẩm quyền (Ví dụ như Thế vận hội Olympic, Giải vô địch thế giới của một Liên đoàn quốc tế, hoặc Đại hội thể thao liên Mỹ).



Trong thi đấu (In-Competition): Là thời gian bắt đầu lúc 11:59 tối ngày trước Cuộc thi mà Vận động viên sẽ tham gia, cho đến khi kết thúc Cuộc thi và quá trình lấy Mẫu liên quan đến Cuộc thi đó. Tuy nhiên, WADA có thể chấp thuận, đối với một môn thể thao cụ thể, một chế tài sẽ được thay thế nếu một Liên đoàn quốc tế đưa ra lý do chính đáng rằng cần có một chế tài khác cho môn thể thao của mình; sau khi được WADA chấp thuận, chế tài thay thế đó sẽ được tất cả các Tổ chức giải đấu lớn áp dụng cho môn thể thao cụ thể đó.

Chú giải Trong thi đấu: Định nghĩa Trong thi đấu được chấp thuận toàn cầu và có sự sắp xếp tại các môn thể thao cho Vận động viên, nhằm loại bỏ hoặc giảm nhằm lẫn giữa các Vận động viên về khung thời gian kiểm tra Doping trong thi đấu, tránh các Phát hiện bất lợi khi phân tích giữa các Cuộc thi. Đồng thời ngăn việc nâng cao thể lực nhờ các chất cấm được dùng trong giai đoạn Thi đấu

Giải đấu quốc tế (International Event): Giải đấu hoặc Cuộc thi đấu do Ủy ban Olympic Quốc tế, Ủy ban Paralympic Quốc tế, Liên đoàn Quốc tế, Ban Tổ chức giải đấu lớn hoặc một tổ chức thể thao quốc tế khác là cơ quan điều hành Giải đấu hoặc chỉ định các quan chức kỹ thuật cho Giải đấu.

Vận động viên cấp Quốc tế (International-Level Athlete): Các vận động viên thi đấu thể thao ở cấp độ quốc tế, theo định nghĩa của mỗi Liên đoàn Quốc tế, phù hợp với Tiêu chuẩn Quốc tế về Xét nghiệm và Điều tra.

Chú giải Vận động viên Cấp Quốc tế: theo Tiêu chuẩn Quốc tế về Xét nghiệm và Điều tra, Liên đoàn Quốc tế xác định các tiêu chí mà Liên đoàn Quốc tế sẽ sử dụng để phân loại Vận động viên là Vận động viên Cấp Quốc tế, ví dụ: theo xếp hạng, (bằng cách) tham gia các Sự kiện Quốc tế cụ thể, theo loại giấy phép, v.v ... Tuy nhiên, phải công bố các tiêu chí đó rõ ràng và



ngắn gọn, để các vận động viên có thể xác định nhanh chóng, và biết khi nào họ sẽ được xếp vào loại Vận động viên cấp quốc tế. Ví dụ: nếu tiêu chí bao gồm việc tham gia các Giải đấu Quốc tế nhất định, thì Liên đoàn Quốc tế phải phát hành danh sách các Giải đấu Quốc tế đó.

Tiêu chuẩn quốc tế (International Standard): Bộ tiêu chuẩn được WADA thông qua để hỗ trợ Bộ Luật. Việc tuân thủ một tiêu chuẩn quốc tế (trái với tiêu chuẩn, lý thuyết và thực tiễn khác) đủ để kết luận rằng các quy trình được đề cập trong tiêu chuẩn đã được thực hiện đúng. Tiêu chuẩn quốc tế bao gồm bất kỳ Tài liệu kỹ thuật nào được ban hành theo Tiêu chuẩn quốc tế.

Cơ quan tổ chức giải đấu lớn (Major Event Organization): Các hiệp hội châu lục của các Ủy ban Olympic quốc gia và Cơ quan tổ chức các môn thể thao quốc tế khác có chức năng quản lý đối với bất kỳ sự kiện quốc tế nào ở châu lục, khu vực hoặc các sự kiện quốc tế khác.

Tổ chức phòng chống Doping quốc gia (National Anti-Doping Organization): Tổ chức cá nhân được Chính phủ chỉ định là có thẩm quyền và trách nhiệm chính đối với việc áp dụng và thực thi Quy định phòng chống Doping, trực tiếp lấy Mẫu, quản lý các kết quả xét nghiệm và lưu bảo mật các kết quả ở cấp độ quốc gia. Nếu Nhà nước không thực hiện việc chỉ định thì tổ chức, cá nhân thực hiện các việc này sẽ là Ủy ban Olympic quốc gia hoặc là tổ chức do Olympic quốc gia nước đó chỉ định.

Vận động viên cấp quốc gia (National-Level Athlete): các vận động viên thi đấu thể thao ở cấp quốc gia, theo định nghĩa của mỗi Tổ chức phòng chống Doping quốc gia, theo Tiêu chuẩn Quốc tế về Xét nghiệm và Điều tra.

Ngoài thi đấu (Out-of-Competition): Mọi quãng thời gian không trong thi đấu

Hành vi tàng trữ (Possession): Hành vi tàng trữ hay có dấu hiệu tàng trữ được khẳng định nếu người đó có quyền kiểm soát đặc biệt hoặc có ý định kiểm soát Chất cấm hoặc Phương pháp cấm hoặc dựa trên cơ sở cho phép tàng trữ Chất cấm hoặc Phương pháp cấm; tuy nhiên, nếu Người đó không có quyền kiểm soát đặc biệt hoặc không có cơ sở cho phép tàng trữ Chất cấm hoặc Phương pháp cấm, đồng nghĩa với việc có dấu hiệu tàng trữ nếu người đó biết về sự hiện diện của Chất cấm hoặc Phương pháp cấm và có ý định kiểm soát chất đó. Tuy nhiên, hành



vi phạm luật phòng chống doping sẽ không chỉ dựa trên hành vi tàng trữ nếu trước khi nhận được thông báo dưới bất kỳ hình thức nào rằng người đó đã vi phạm luật phòng chống doping, người đó đã thực hiện hành động cụ thể chứng minh rằng người đó không bao giờ có ý định tàng trữ và thậm chí chỉ là dấu hiệu tàng trữ bằng cách tuyên bố rõ ràng với Tổ chức phòng chống doping. Bất chấp mọi lý do trái ngược với định nghĩa này, việc mua bán Chất cấm hoặc Phương pháp cấm dưới mọi hình thức đều cấu thành hành vi tàng trữ của người thực hiện giao dịch mua bán.

Chú giải từ Tàng trữ: Theo định nghĩa này, ví dụ trong trường hợp: các steroid đồng hóa được tìm thấy trong xe của Vận động viên sẽ cấu thành hành vi vi phạm trừ khi Vận động viên chứng minh rằng người khác đã sử dụng xe của mình; trong trường hợp đó, Tổ chức phòng chống Doping phải chứng minh rằng, Vận động viên không phải là người duy nhất sử dụng xe này và Vận động viên đã biết về các steroid đồng hóa và có ý định kiểm soát chúng. Tương tự, trong ví dụ về steroid đồng hóa được tìm thấy trong tủ thuốc gia đình thuộc quyền kiểm soát chung của vợ /chồng vận động viên, Tổ chức phòng chống Doping phải xác định rằng vận động viên biết có steroid trong tủ thuốc và vận động viên có ý định kiểm soát chúng. Chỉ riêng hành động mua bán Chất cấm đã cấu thành hành vi tàng trữ và mua bán, ngay cả khi sản phẩm không đến nơi, được người khác nhận hộ nhận giúp hoặc được gửi đến địa chỉ của bên thứ ba.

Danh sách Cấm (Prohibited List): Danh sách xác định các Chất cấm và Phương pháp cấm.

Phương pháp cấm (Prohibited Method): Bất kỳ phương pháp nào được mô tả trong Danh sách cấm.



Chất cấm (Prohibited Substance): Bất kỳ chất nào, hoặc nhóm chất nào được mô tả trong Danh sách cấm.

Vận động viên môn thể thao giải trí (Recreational Athlete): Người được Tổ chức phòng chống doping quốc gia có liên quan xác định; tuy nhiên, với điều kiện là thuật ngữ này sẽ không bao gồm bất kỳ người nào, trong vòng năm (5) năm trước khi vi phạm quy định phòng chống doping, đã là Vận động viên cấp quốc tế (theo định nghĩa của mỗi Liên đoàn quốc tế phù hợp với Tiêu chuẩn quốc tế về Xét nghiệm và Điều tra) hoặc Vận động viên cấp quốc gia (theo định nghĩa của mỗi Tổ chức phòng chống doping quốc gia phù hợp với Tiêu chuẩn quốc tế về Xét nghiệm và Điều tra), đã đại diện cho bất kỳ quốc gia nào trong Giải đấu quốc tế ở hạng mục mở hoặc đã được đưa vào nhóm đăng ký xét nghiệm hoặc nhóm thông tin nơi cư trú, tập luyện khác được duy trì bởi bất kỳ Liên đoàn Quốc tế hoặc Tổ chức Chống Doping Quốc gia nào.

Chú giải cho Vận động viên môn thể thao giải trí: Thuật ngữ “danh mục mở” có nghĩa là để loại trừ sự cạnh tranh được giới hạn ở các danh mục nhóm tuổi

Quản lý kết quả (Result Management): Quy trình bao gồm khung thời gian giữa các lần thông báo theo Điều 5 của Tiêu chuẩn Quốc tế về quản lý kết quả, hoặc trong một số trường hợp nhất định (ví dụ: Phát hiện bất lợi khi phân tích, Hồ sơ sinh học của vận động viên, không cung cấp thông tin về nơi cư trú, tập luyện), các bước thông báo trước được quy định rõ ràng trong Điều 5 của Tiêu chuẩn Quốc tế về quản lý kết quả, thông qua cáo buộc cho đến khi giải quyết vấn đề cuối cùng, bao gồm cả việc kết thúc quá trình điều trần ở cấp sơ thẩm hoặc phúc thẩm (nếu có đơn kháng cáo).



Mẫu hoặc Mẫu xét nghiệm (Sample or Specimen): Bất kỳ chất sinh học nào được lấy cho mục đích Kiểm tra doping.

Chú giải về Mẫu hoặc Mẫu xét nghiệm: Đôi khi người ta cho rằng việc lấy Mẫu máu vi phạm nguyên lý của một số nhóm tôn giáo hoặc văn hóa nhất định. Điều này đã được xác định rằng không có cơ sở cho bất kỳ tuyên bố nào như vậy.

Xét nghiệm (Testing): Từng bước của quy trình Kiểm tra doping bao gồm lập kế hoạch chuẩn bị công cụ dụng cụ, lấy mẫu, bảo quản mẫu và vận chuyển mẫu đến phòng thí nghiệm.

Miễn trừ do điều trị (TUE): Miễn trừ do điều trị cho phép Vận động viên có vấn đề sức khỏe được sử dụng Chất cấm hoặc Phương pháp cấm, nhưng chỉ khi đáp ứng các điều kiện nêu trong Điều 4.4 và Tiêu chuẩn Quốc tế về Miễn trừ do điều trị.

Sử dụng (Use): Việc sử dụng chất cấm, phương pháp cấm qua đường truyền, uống, tiêm hay bất kỳ phương thức nào.

WADA: Cơ quan phòng chống Doping Thế giới.

3.2 Các thuật ngữ trong Tiêu chuẩn quốc tế về Bảo vệ quyền riêng tư và thông tin cá nhân

Thông tin cá nhân: Thông tin cá nhân bao gồm các thông tin cá nhân nhạy cảm, liên quan đến người tham gia được xác định hoặc người có thông tin được xử lý trong bối cảnh hoạt động phòng chống Doping của Tổ chức phòng chống Doping.

Chú giải về Thông tin Cá nhân: Thông tin cá nhân được hiểu rằng bao gồm, nhưng không giới hạn, thông tin liên quan đến tên, ngày sinh, chi tiết liên hệ



và các đơn vị thể thao, nơi cư trú, tập luyện, TUE được cấp (nếu có), kết quả kiểm tra Doping và Quản lý kết quả (bao gồm các phiên điều trần, kháng nghị và án phạt). Thông tin cá nhân cũng bao gồm các chi tiết cá nhân và thông tin liên hệ đến người khác, chẳng hạn như các chuyên gia y tế và những người làm việc cùng, điều trị hoặc hỗ trợ Vận động viên trong hoạt động chống doping. Thông tin đó vẫn là Thông tin cá nhân và được tiêu chuẩn này quy định trong quá trình xử lý, bất kể cá nhân có liên quan còn tham gia vào các môn thể thao có tổ chức hay không.

Xử lý (và các từ tương tự, Quy trình và Đã xử lý): Thu thập, truy cập, lưu giữ, lưu trữ, tiết lộ, chuyển đổi, truyền, sửa đổi, xóa hoặc sử dụng Thông tin Cá nhân.

3.3 Các thuật ngữ được định nghĩa cụ thể cho Tiêu chuẩn Quốc tế về Miễn trừ do điều trị

Điều trị (Therapeutic): điều trị hoặc liên quan tới việc điều trị một bệnh/chấn thương bằng các chất hoặc phương pháp chữa trị; hoặc hỗ trợ điều trị.

Hội đồng Miễn trừ do điều trị (hoặc "TUEC"): Hội đồng do Tổ chức phòng chống Doping thành lập để xem xét các đơn đăng ký TUE.

WADA TUEC: Hội đồng do WADA thành lập để xem xét các quyết định TUE của các Tổ chức phòng chống Doping khác.

3.4 Giải thích

3.4.1 Văn bản chính thức của Tiêu chuẩn Quốc tế về Miễn trừ do điều trị sẽ được xuất bản bằng tiếng Anh và tiếng Pháp. Trong trường hợp có bất kỳ sự bất đồng nào giữa phiên bản tiếng Anh và tiếng Pháp, phiên bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng.



3.4.2 Giống như Bộ Luật, Tiêu chuẩn Quốc tế về Miễn trừ do điều trị đã được soạn thảo có cân nhắc nhằm giải thích các nguyên tắc tương xứng về quyền con người và áp dụng các quy định pháp lý.

3.4.3 Nội dung chú thích các điều khoản khác nhau của Tiêu chuẩn Quốc tế về Miễn trừ do điều trị sẽ được sử dụng để hướng dẫn giải thích Tiêu chuẩn này.

3.4.4 Các mục và điều là các tham chiếu của Tiêu chuẩn Quốc tế về miễn trừ do điều trị, trừ khi có quy định khác

3.4.5 Thuật ngữ “ngày” được sử dụng trong Tiêu chuẩn Quốc tế về Miễn trừ do điều trị được tính bằng ngày dương lịch trừ khi có quy định khác.

3.4.6 Phụ lục của Tiêu chuẩn Quốc tế về Miễn trừ do điều trị đều đáp ứng và dựa trên Tiêu chuẩn Quốc tế

PHẦN HAI

CÁC TIÊU CHUẨN VÀ QUY TRÌNH TRONG VIỆC CẤP MIỄN TRỪ DO ĐIỀU TRỊ

4.0 Nhận được Miễn trừ do điều trị (TUE)

Vận động viên cần Sử dụng Chất hoặc Phương pháp Cấm vì lý do Điều trị phải nộp đơn và xin TUE trước khi Sử dụng hoặc Tàng trữ chất hoặc phương pháp đó, trừ khi Vận động viên có quyền nộp đơn xin TUE có hiệu lực hồi tố theo Điều 4.1. Trong cả hai trường hợp, các điều kiện của Điều 4.2 phải được đáp ứng.

Chú giải Điều 4.0: Có thể có những trường hợp Vận động viên có tình trạng sức khỏe và đang Sử dụng hoặc Tàng trữ Chất Cấm hoặc Phương pháp Cấm trước khi phải tuân theo các quy định phòng chống doping. Trong trường hợp đó, Việc Sử dụng/Tàng trữ trước đó không yêu cầu TUE và dự kiến một TUE là đủ.

4.1 Vận động viên có thể nộp đơn xin TUE hồi tố cho Chất cấm hoặc Phương pháp cấm sau khi Sử dụng hoặc Tàng trữ chất hoặc phương pháp đang được đề cập.

Tuy nhiên, các vận động viên cũng có thể làm đơn đề nghị được Miễn trừ do điều trị hồi tố (nhưng phải đủ điều kiện quy định tại Điều 4.2) hoặc khi hội tụ các điều kiện sau:

a) Trong trường hợp cần phải cấp cứu hoặc cần điều trị khẩn cấp

b) Trong những trường hợp khi không có đủ thời gian, cơ hội hoặc các trường hợp ngoại lệ khác khiến Vận động viên không thể nộp đơn xin cấp TUE (hoặc Hội đồng miễn trừ do điều trị - TUEC xem xét) đơn đăng ký Miễn trừ do điều trị trước khi lấy Mẫu;



c) Tùy theo mức độ ưu tiên cấp quốc gia đối với một số môn thể thao nhất định, Cơ quan phòng chống Doping quốc gia của VĐV đó đã không chấp thuận hoặc yêu cầu VĐV nộp đơn xin Miễn trừ do điều trị hồi tố (xem nội dung tại Điều 5.1)

d) Nếu Cơ quan phòng chống Doping chọn lấy Mẫu từ một vận động viên không phải là vận động viên cấp quốc tế hoặc vận động viên cấp quốc gia và vận động viên đó đang sử dụng chất cấm hoặc phương pháp cấm vì lý do điều trị thì Cơ quan phòng chống Doping phải chấp thuận cho Vận động viên được làm đơn đề nghị Miễn trừ do điều trị sau; hoặc:

e) Vì lý do điều trị, Vận động viên đã sử dụng một chất cấm ngoài thi đấu, mà chất cấm đó chỉ bị cấm sử dụng trong thi đấu

Chú giải Điều 4.1: Việc đáp ứng một trong những ngoại lệ có hiệu lực hồi tố không có nghĩa là nhất thiết sẽ được cấp TUE; điều đó có nghĩa là đơn của Vận động viên có thể được đánh giá theo Điều 4.2 để xác định xem các điều kiện TUE đã chỉ định có được đáp ứng hay không.

Chú giải Điều 4.1(c), (d), (e): Các vận động viên như trên nên chuẩn bị sẵn hồ sơ y tế và sẵn sàng chứng minh họ đáp ứng đủ các điều kiện TUE quy định tại Điều 4.2 trong trường hợp cần nộp đơn TUE sau khi lấy mẫu.

Chú giải Điều 4.1 (e): Điều này giải quyết các tình huống mà vì lý do điều trị, Vận động viên đã sử dụng một chất cấm ngoài thi đấu, mà chất cấm đó chỉ bị cấm sử dụng trong thi đấu. Tuy nhiên, nguy cơ chất đó sẽ vẫn còn trong cơ thể họ lúc thi đấu. Trong những tình huống như vậy, Cơ quan phòng chống Doping phải chấp thuận cho vận động viên nộp đơn xin TUE hồi tố (trong trường hợp Vận động viên chưa nộp đơn trước đó). Điều này



cũng nhằm ngăn các Cơ quan phòng chống Doping xem xét trước đơn xin TUE. Mà điều đó không cần thiết.

4.2 Vận động viên có thể được cấp TUE chỉ khi họ có những điều kiện sau:

a) Các kết quả lâm sàng cho thấy cần thiết điều trị bằng các chất trong danh mục Chất cấm hoặc Phương pháp cấm.

Chú giải Điều 4.2(a): Việc sử dụng chất trong danh mục Chất cấm hoặc Phương pháp cấm để chẩn đoán có thể cần thiết hơn trong điều trị.

b) Việc sử dụng chất trong danh mục Chất cấm hoặc Phương pháp cấm sẽ không tạo ra sự tăng cường về thể chất nào mà chỉ đưa VĐV về tình trạng sức khỏe bình thường do điều trị hợp lý.

Chú giải Điều 4.2(b): Tình trạng sức khỏe bình thường của một Vận động viên sẽ được xác định trên cơ sở từng cá nhân. Trạng thái bình thường đối với một Vận động viên cụ thể là tình trạng sức khỏe của họ, vì điều trị y tế mà cần làm đơn xin TUE.

c) Chất cấm hoặc Phương pháp cấm là một phương pháp điều trị bắt buộc được chỉ định cho tình trạng bệnh lý mà không có phương pháp điều trị hợp lý nào có thể thay thế được

Chú giải Điều 4.2: Bác sĩ phải giải thích lý do tại sao phương pháp điều trị được chọn là phù hợp nhất, ví dụ: dựa trên kinh nghiệm, tác dụng phụ, hoặc các lý do khác bao gồm cả khả năng y tế ở từng địa phương. Hơn nữa, sẽ không cần sử dụng hình thức khác trước khi sử dụng Chất cấm hoặc Phương pháp cấm



d) Sự cần thiết sử dụng Chất cấm hoặc Phương pháp cấm không để lại hậu quả (một phần hoặc toàn bộ) của việc sử dụng trước đó (khi không có Miễn trừ do điều trị) đối với Chất cấm hoặc Phương pháp cấm tại thời điểm sử dụng.

Chú giải Điều 4.2: Các tài liệu WADA có tiêu đề “Hướng dẫn dành cho Bác sĩ về TUE”, được đăng trên trang web của WADA, nên sử dụng để hỗ trợ việc áp dụng các tiêu chí này đến từng vụ việc can thiệp y tế cụ thể

Việc cấp TUE chỉ dựa trên việc xem xét các điều kiện nêu trong Điều 4.2 Nó không xem xét đến việc Chất cấm hoặc Phương pháp cấm có phù hợp nhất về mặt lâm sàng hoặc tính an toàn, hoặc liệu việc sử dụng nó có hợp pháp ở tất cả các khu vực tài phán hay không.

Khi Liên đoàn quốc tế hoặc Cơ quan tổ chức giải đấu lớn TUEC đang quyết định có công nhận TUE do Cơ quan phòng chống Doping khác cấp hay không (xem Điều 7) và khi WADA đang xem xét quyết định cấp (hoặc không cấp) TUE (xem Điều 8), vấn đề sẽ giống như đối với một TUEC đang xem xét đơn xin TUE theo Điều 6. Tức là Vận động viên có chứng minh đủ các điều kiện xác suất như trong điều 4.2 không.

4.3 Trong các trường hợp ngoại lệ và các quy định khác trong Tiêu chuẩn Quốc tế về Miễn trừ do điều trị, Vận động viên có thể nộp đơn xin và được cấp phép hồi tố cho việc Điều trị có sử dụng Chất cấm hoặc Phương pháp cấm. Nếu xét theo các quy định của Bộ Luật, rõ ràng là không công bằng khi không cấp TUE hồi tố. Đối với các vận động viên cấp quốc tế và vận động viên cấp quốc gia, Tổ chức phòng chống Doping có thể chấp nhận cho vận động viên đơn xin TUE có hiệu lực hồi tố theo Điều khoản này chỉ khi có sự chấp thuận trước của WADA (và WADA có thể toàn quyền đồng ý hoặc từ chối quyết định của Tổ chức phòng chống Doping)



Đối với các Vận động viên không phải là Vận động viên cấp Quốc tế hoặc Vận động viên cấp Quốc gia, Tổ chức phòng chống Doping có thể cấp cho Vận động viên đăng ký TUE có hiệu lực hồi tố theo Điều khoản này mà không cần hỏi ý kiến WADA trước. Tuy nhiên WADA có thể xem xét lại Quyết định của Tổ chức phòng chống Doping về việc cấp TUE có hiệu lực hồi tố theo Điều khoản này và có thể có thể toàn quyền đồng ý hoặc từ chối quyết định của Tổ chức phòng chống Doping

Bất kỳ quyết định nào do WADA hoặc Tổ chức phòng chống Doping đưa ra theo Điều này đều không có tư cách phản đối bằng biện pháp bảo vệ tố tụng đối với hành vi vi phạm quy định phòng chống doping, hoặc bằng cách kháng cáo, hoặc cách khác.

Tất cả các quyết định của Tổ chức phòng chống Doping theo Điều 4.3, dù cấp hay từ chối TUE, đều phải được báo cáo thông qua ADAMS theo Điều 5.5.

Chú giải Điều 4.3: Để tránh nghi ngờ, việc phê duyệt có hiệu lực hồi tố theo Điều 4.3 ngay cả khi các điều kiện trong Điều 4.2 không được đáp ứng (mặc dù việc đáp ứng các điều kiện đó sẽ được xem xét). Các yếu tố khác bao gồm lý do tại sao Vận động viên không nộp đơn trước; kinh nghiệm của vận động viên; Vận động viên có khai báo việc sử dụng chất hoặc phương pháp trên mẫu Kiểm tra Doping hay không; và thời hạn TUE gần nhất của vận động viên. Khi đưa ra quyết định WADA có thể tham khảo ý kiến của các thành viên của WADA TUEC.

5.0 Trách nhiệm TUE của Tổ chức phòng chống Doping

5.1 Điều 4.4 Bộ Luật quy định (a) Tổ chức phòng chống Doping nào có thẩm quyền đưa ra quyết định TUE; (b) làm thế nào để các quyết định TUE đó được các



Tổ chức phòng chống Doping khác công nhận và tôn trọng; và (c) khi nào các quyết định TUE có thể được xem xét hoặc kháng nghị

Chú giải Điều 5.1: Xem Phụ lục 1- Điều 4.4 Bộ Luật Bảng tóm tắt các quy định chính của Điều 4.4.

Trong trường hợp các yêu cầu của chính sách quốc gia khiến Tổ chức phòng chống Doping quốc gia ưu tiên một số môn thể thao hơn các môn thể thao khác trong kế hoạch lấy mẫu kiểm tra (như quy định tại Điều 4.4.1 của Tiêu chuẩn quốc tế về Xét nghiệm và Điều tra), Tổ chức phòng chống Doping quốc gia có thể từ chối xem xét các đơn đăng ký TUE từ các Vận động viên trong một số hoặc tất cả các môn thể thao không được ưu tiên. Nhưng trong trường hợp đó, phải cho phép những Vận động viên có Mẫu lấy sau được nộp đơn xin TUE có hiệu lực hồi tố. Tổ chức phòng chống Doping quốc gia nên công bố các chính sách như vậy trên trang web của mình vì lợi ích của các vận động viên bị ảnh hưởng.

Điều 4.4.2 Bộ Luật quy định thẩm quyền của Tổ chức phòng chống Doping quốc gia trong việc đưa ra quyết định TUE đối với các Vận động viên không phải là Vận động viên cấp Quốc tế. WADA sẽ ra quyết định trong trường hợp có tranh chấp về việc Tổ chức phòng chống Doping quốc gia nào sẽ giải quyết đơn đăng ký TUE của Vận động viên không phải là Vận động viên cấp Quốc tế. Quyết định của WADA sẽ là quyết định cuối cùng và không có quyền kháng nghị.

5.2 Để tránh nghi ngờ, khi Tổ chức phòng chống Doping quốc gia cấp TUE cho vận động viên, TUE đó có giá trị cấp quốc gia trên cơ sở toàn cầu và không cần được xác nhận chính thức bởi Tổ chức phòng chống doping quốc gia khác theo Điều 7.0 (ví dụ: nếu một vận động viên được Tổ chức phòng chống Doping quốc



gia cấp TUE và sau đó đào tạo hoặc thi đấu tại quốc gia khác thì TUE đó sẽ có hiệu lực nếu vận động viên đó được Tổ chức phòng chống Doping quốc gia nước sở tại kiểm tra.

5.3 Mỗi Tổ chức phòng chống Doping quốc gia, Liên đoàn quốc tế và Cơ quan tổ chức giải đấu lớn phải thành lập TUEC để xem xét các đơn xin cấp hoặc công nhận TUE khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 4.2

Chú giải Điều 5.3: Để tránh nghi ngờ, việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4.1 và 4.3 có thể được Tổ chức phòng chống Doping quyết định với sự tham vấn của các thành viên của TUEC.

Mặc dù Đơn vị tổ chức giải đấu lớn có thể chọn các TUE đã có trước đây, nhưng phải có một cơ chế để Vận động viên tham gia Giải đấu có được TUE mới khi có nhu cầu. Việc thiết lập TUEC riêng tùy thuộc vào mỗi Đơn vị tổ chức giải đấu lớn, hay đúng hơn là liệu Đơn vị đó có thuê bên thứ ba theo thỏa thuận hay không. Mục đích trong mỗi trường hợp là đảm bảo rằng các Vận động viên thi đấu trong các Giải đấu như vậy có khả năng nhận được TUE một cách nhanh chóng và hiệu quả trước khi họ thi đấu.

a) Các TUEC phải bao gồm ít nhất ba (3) bác sĩ có kinh nghiệm trong việc chăm sóc và điều trị Vận động viên và có kiến thức vững chắc về y học lâm sàng, thể thao và tập luyện. Trong trường hợp cần có kiến thức chuyên môn cụ thể (ví dụ: đối với Vận động viên khuyết tật trong đó chất hoặc phương pháp liên quan đến tình trạng khuyết tật của Vận động viên), ít nhất một thành viên hoặc chuyên gia TUEC phải có kiến thức chuyên môn đó. Một thành viên có chức danh bác sĩ nên đóng vai trò chủ tịch TUEC



b) Để đảm bảo tính khách quan của các quyết định, tất cả các thành viên TUEC phải ký bản Cam kết lợi ích và bảo mật (mẫu có sẵn trên trang web của WADA)

5.4 Tổ chức phòng chống Doping quốc gia, Liên đoàn quốc tế và Đơn vị tổ chức giải đấu lớn phải thiết lập một quy trình rõ ràng áp dụng cho TUEC của mình nhằm mục đích hướng TUE tuân thủ các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế. Và các Tổ chức này cũng phải công bố chi tiết quá trình đó bằng cách đăng thông tin ở nơi dễ thấy trên trang web

5.5 Các Tổ chức phòng chống Doping quốc gia, Liên đoàn quốc tế và Đơn vị tổ chức giải đấu lớn phải báo cáo sớm (bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp) tất cả các quyết định của TUEC về việc cấp hoặc từ chối TUE của mình cũng như của các Tổ chức phòng chống Doping khác một cách nhanh chóng thông qua ADAMS và trong bất kỳ sự kiện nào trong vòng hai mươi mốt (21) ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Quyết định từ chối TUE phải giải thích các lý do từ chối. Đối với các TUE được cấp, thông tin được báo cáo sẽ bao gồm (bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp):

a) Liệu Vận động viên có được phép đăng ký TUE hồi tố theo Điều 4.1 hay không và giải thích lý do tại sao, hoặc liệu Vận động viên có được phép đăng ký và được cấp TUE hồi tố theo Điều 4.3 hay không và giải thích lý do tại sao;

b) Chất hoặc phương pháp đã được phê duyệt, liều lượng, tần suất, đường dùng cho phép, thời gian điều trị TUE (thời gian điều trị theo quy định) và bất kỳ điều kiện nào được áp dụng liên quan đến TUE;

c) Mẫu đơn đăng ký TUE và thông tin y tế có điều kiện của Điều 4.2 đối với TUE đó (chỉ dành cho WADA, Tổ chức phòng chống Doping quốc gia của vận động



viên, Liên đoàn quốc tế, và Đơn vị tổ chức giải đấu lớn, tổ chức giải đấu mà vận động viên muốn thi đấu

Chú giải Điều 5.5: Mẫu đăng ký TUE có thể được các Tổ chức phòng chống Doping dịch sang nhiều ngôn ngữ khác nhau, nhưng văn bản gốc tiếng Anh hoặc tiếng Pháp phải được giữ nguyên trên Mẫu và phải cung cấp bản dịch nội dung bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.

Bộ hồ sơ y tế đầy đủ gồm: các xét nghiệm chẩn đoán, kết quả xét nghiệm và các đánh giá khác, nhưng không cần dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Pháp. Tuy nhiên, bản tóm tắt đã dịch tất cả các thông tin chính (bao gồm các xét nghiệm chẩn đoán chính) phải được nhập vào ADAMS, với đầy đủ thông tin để có chẩn đoán rõ ràng. Đặc biệt, chúng tôi yêu cầu bản tóm tắt được lập bởi bác sĩ hoặc người có đủ kiến thức y tế để có thể giải thích và tóm tắt thông tin y tế. Tổ chức phòng chống Doping hoặc WADA có thể yêu cầu các bản dịch chi tiết, đầy đủ hơn.

5.6 Khi Tổ chức phòng chống Doping quốc gia cấp TUE cho Vận động viên, Tổ chức đó phải thông báo bằng văn bản (a) TUE chỉ có hiệu lực ở cấp quốc gia và (b) khi Vận động viên đó trở thành Vận động viên cấp quốc tế hoặc tham gia thi đấu trong một giải đấu quốc tế, TUE đó sẽ không có hiệu lực trừ khi được Liên đoàn Quốc tế hoặc Cơ quan tổ chức giải đấu lớn công nhận theo Điều 7.0. Sau đó, Tổ chức phòng chống Doping quốc gia giúp vận động viên xác định thời điểm Vận động viên cần gửi TUE cho Liên đoàn quốc tế hoặc Cơ quan tổ chức giải đấu lớn, đồng thời phải hướng dẫn và hỗ trợ vận động viên trong suốt quá trình để được công nhận.

5.7 Mỗi Liên đoàn quốc tế và Cơ quan tổ chức giải đấu lớn phải đăng thông báo (đăng thông báo đó ở nơi dễ thấy trên trang web của mình và gửi đến WADA) nêu



rõ (1) Vận động viên yêu cầu áp dụng TUE và khi nào; (2) quyết định TUE của các Tổ chức phòng chống Doping khác sẽ được tự động công nhận thay cho đơn đó, theo Điều 7.1 (a); và (3) quyết định TUE của các Tổ chức phòng chống doping khác sẽ phải được gửi lên Tổ chức đó để được công nhận, theo Điều 7.1 (b).

5.8 Nếu Tổ chức phòng chống Doping quốc gia cấp TUE cho một vận động viên và Vận động viên đó sau trở thành vận động viên cấp quốc tế hoặc thi đấu trong một giải đấu quốc tế, thì TUE sẽ không có hiệu lực cho đến khi Liên đoàn quốc tế công nhận TUE đó theo Điều 7.0. Nếu Liên đoàn Quốc tế cấp TUE cho Vận động viên và Vận động viên sau đó thi đấu trong Giải đấu quốc tế do Cơ quan tổ chức giải đấu lớn tổ chức, thì TUE sẽ không có hiệu lực cho đến khi Cơ quan tổ chức giải đấu lớn có liên quan công nhận TUE đó theo Điều 7.0. Nếu Liên đoàn quốc tế hoặc Cơ quan tổ chức giải đấu lớn từ chối công nhận TUE, thì Vận động viên có thể dùng quyền xem xét và kháng nghị để bào chữa cho việc sử dụng, tàng trữ hoặc quản lý Chất cấm hoặc Phương pháp cấm được đề cập trong TUE đối với Liên đoàn quốc tế hoặc Cơ quan tổ chức giải đấu lớn đó.

6.0 Quy trình đăng ký xin Miễn trừ do điều trị

6.1 Vận động viên cần TUE nên đăng ký càng sớm càng tốt. Đối với các chất cấm trong thi đấu, Vận động viên nên đăng ký TUE ít nhất ba mươi (30) ngày trước Thi đấu, trừ tình huống khẩn cấp hoặc ngoại lệ.

6.2 Vận động viên phải nộp đơn cho Tổ chức phòng chống Doping quốc gia, Liên đoàn quốc tế hoặc Cơ quan tổ chức giải đấu lớn (nếu có), sử dụng mẫu đơn đăng ký TUE được cấp. Các Tổ chức phòng chống Doping sẽ cấp mẫu đơn đăng ký cho Vận động viên bằng cách tải xuống từ trang web. Mẫu đó phải dựa trên mẫu "Mẫu đơn đăng ký TUE" có sẵn trên trang web của WADA. Mẫu có thể được sửa đổi bởi



các Tổ chức phòng chống Doping, nhưng vẫn phải bao gồm các yêu cầu bổ sung thông tin, và không có mục nào bị xóa.

Chú giải Điều 6.2: Một số trường hợp, Vận động viên có thể không biết nên đăng ký TUE tại Tổ chức phòng chống Doping cấp quốc gia nào. Khi đó vận động viên nên tham khảo ý kiến của Tổ chức phòng chống Doping quốc gia tại đất nước tổ chức giải thể thao (hoặc là thành viên, người được cấp giấy phép), để xác định xem họ có nằm trong Tổ chức phòng chống Doping quốc gia đó không, theo quy định của họ.

Nếu Tổ chức phòng chống Doping quốc gia đó từ chối đơn đăng ký TUE vì Vận động viên không thuộc phạm vi quyền hạn của TUE, thì vận động viên nên tham khảo các quy định phòng chống doping của Tổ chức phòng chống Doping quốc gia của quốc gia mà họ cư trú (nếu khác).

Nếu Vận động viên vẫn không thuộc phạm vi quyền hạn TUE của Tổ chức phòng chống Doping quốc gia, thì vận động viên nên tham khảo các quy tắc phòng chống Doping của Tổ chức chống Doping quốc gia nơi họ nhập quốc tịch (nếu khác với nơi họ thi đấu hoặc cư trú).

Các vận động viên có thể liên hệ với bất kỳ Tổ chức phòng chống Doping quốc gia nào nêu trên để được hỗ trợ xác định xem Tổ chức phòng chống Doping quốc gia có thẩm quyền TUE hay không. Trong trường hợp không có Tổ chức phòng chống Doping quốc gia nào nêu trên có thẩm quyền TUE, vận động viên được phép nộp đơn xin TUE có hiệu lực hồi tố từ Tổ chức phòng chống Doping có thẩm quyền Quản lý kết quả. (Xem thêm sơ đồ tóm tắt về “Nộp đơn ở đâu?” trong phần y tế trên trang web của WADA).



6.3 Một Vận động viên không được đăng ký nhiều hơn một (1) TUE do Tổ chức phòng chống Doping cấp, để sử dụng cùng một Chất cấm hoặc Phương pháp cấm cho cùng một tình trạng bệnh. Vận động viên cũng không được có nhiều hơn một (1) TUE cùng lúc để sử dụng cùng một Chất cấm hoặc Phương pháp cấm cho cùng một tình trạng sức khỏe (bất kỳ TUE mới nào sẽ thay thế TUE cũ và TUE cũ sẽ bị hủy bởi Tổ chức phòng chống Doping).

6.4 Vận động viên phải nộp đơn đăng ký TUE cho Tổ chức phòng chống Doping thông qua ADAMS hoặc theo quy định khác của Tổ chức phòng chống Doping. Biểu mẫu phải có chữ ký của bác sĩ điều trị và kèm theo tiền sử bệnh, gồm tài liệu từ các bác sĩ chẩn đoán ban đầu (nếu có thể), kết luận bệnh lý, kết quả xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh. Đơn phải có chữ ký bác sĩ, tại khu vực được chỉ định.

Chú giải Điều 6.4: Thông tin liên quan đến chẩn đoán và điều trị được hướng dẫn bởi các tài liệu WADA, được đăng trên trang web của WADA

6.5 Vận động viên nên giữ một bản sao đầy đủ của mẫu đơn đăng ký TUE và tất cả các tài liệu gửi kèm đơn đó.

6.6 Đơn đăng ký TUE sẽ chỉ được TUEC xem xét sau khi nhận được đơn đăng ký điền đầy đủ thông tin kèm theo tất cả các tài liệu liên quan. Những hồ sơ chưa hoàn thiện sẽ được trả lại cho Vận động viên để hoàn thiện và nộp lại.

6.7 TUEC có thể yêu cầu Vận động viên hoặc bác sĩ của họ bổ sung các thông tin, kết quả khám bệnh, chẩn đoán hình ảnh, hoặc thông tin cần thiết để xem xét đơn đăng ký của Vận động viên; hoặc có thể nhờ sự hỗ trợ của các chuyên gia y tế hoặc các nhà khoa học khác.

6.8 Vận động viên chịu mọi chi phí cho việc nộp đơn đăng ký TUE và bổ sung theo yêu cầu của TUEC .



6.9 TUEC sẽ quyết định xét duyệt Đơn sớm hay không. Thông thường (trừ các trường hợp ngoại lệ) TUEC sẽ giải quyết trong vòng không quá hai mươi một (21) ngày kể từ ngày nhận được Đơn đăng ký đầy đủ. Trong trường hợp đơn đăng ký TUE được gửi một thời gian ngắn trước khi Giải đấu diễn ra, TUEC phải nỗ lực khẩn trương đưa ra quyết định trước khi bắt đầu Giải đấu.

6.10 Quyết định của TUEC phải được thông báo bằng văn bản cho Vận động viên và phải được cung cấp cho WADA và các Tổ chức phòng chống Doping khác thông qua ADAMS, phù hợp với Điều 5.5

6.11 Mỗi TUE sẽ có một thời hạn nhất định, do TUEC quyết định. Khi đến thời hạn đó TUE sẽ tự động hết hạn. Nếu vận động viên cần tiếp tục sử dụng Chất cấm hoặc Phương pháp cấm, thì phải nộp đơn đăng ký TUE mới trước ngày hết hạn TUE cũ, để TUEC có đủ thời gian đưa ra quyết định chấp thuận đơn mới trước khi hết hạn.

Chú giải Điều 6.11: Nếu có thể, thời hạn hiệu lực phải được hướng dẫn theo các tài liệu của WADA có tiêu đề “Hướng dẫn dành cho Bác sĩ về TUE”.

6.12 TUE sẽ bị thu hồi trước khi hết hạn nếu Vận động viên không nhanh chóng tuân thủ các điều kiện, yêu cầu của Tổ chức phòng chống Doping cấp TUE đưa ra. Ngoài ra, TUE có thể bị hủy bỏ khi WADA xem xét hoặc kháng nghị.

6.13 Trường hợp Phát hiện phân tích bất lợi được ban hành ngay sau khi TUE đã hết hạn, thu hồi hoặc hủy bỏ. Tổ chức phòng chống Doping tiến hành đánh giá ban đầu, theo Điều 5.1.1.1 của Tiêu chuẩn Quốc tế về Quản lý Kết quả sẽ xem xét liệu phát hiện có phù hợp với việc Sử dụng Chất cấm trước khi hết hạn hay không để thay đổi TUE. Như thế, việc sử dụng (và các kết quả có Chất cấm trong Mẫu của vận động viên) không phải là vi phạm quy tắc phòng chống Doping.



6.14 Trong trường hợp, sau khi được cấp TUE, Vận động viên yêu cầu thay đổi liều lượng, tần suất, lộ trình hoặc thời gian sử dụng Chất cấm hoặc Phương pháp cấm đã được chỉ định trong TUE. Vận động viên phải liên hệ với nhân viên của Tổ chức phòng chống Doping, để xác định xem Vận động viên có cần đăng ký TUE mới không. Nếu việc sử dụng, tàng trữ hoặc quản lý Chất cấm hoặc Phương pháp cấm không phù hợp với các điều khoản của TUE được cấp, Vận động viên có TUE sẽ không tránh được việc vi phạm quy tắc phòng chống doping

Chú giải Điều 6.14: Có thể thấy, đối với một số tình trạng y tế, liều lượng có thể dao động, đặc biệt trong giai đoạn đầu điều trị hoặc như bệnh tiểu đường phụ thuộc insulin. Những biến động tiềm ẩn như vậy nên được tính đến trong TUE. Tuy nhiên, trong trường hợp có những thay đổi không được tính đến trong TUE, Vận động viên phải liên hệ với Tổ chức phòng chống Doping để xác định xem có cần phải thực hiện TUE mới hay không.

7.0 Quy trình công nhận Miễn trừ do điều trị

7.1 Điều 4.4 của Bộ Luật quy định, Tổ chức phòng chống Doping phải công nhận TUE được cấp bởi các Tổ chức phòng chống Doping khác, khi nó đáp ứng đủ các điều kiện của Điều 4.2. Vì thế, nếu một Vận động viên đã có yêu cầu TUE của một Liên đoàn quốc tế hoặc Cơ quan tổ chức giải đấu lớn, Vận động viên không phải gửi đơn đăng ký TUE mới cho Liên đoàn quốc tế hoặc Cơ quan tổ chức giải đấu lớn. Thay vào đó:

a) Liên đoàn quốc tế hoặc Cơ quan tổ chức giải đấu lớn có thể thông báo rằng họ sẽ tự động công nhận các quyết định TUE được đưa ra theo Điều 4.4 Bộ Luật (hoặc một số quyết định như vậy, ví dụ: các quyết định được đưa ra bởi các Tổ chức phòng chống Doping cụ thể hoặc những quyết định liên quan đến Chất cấm), với điều kiện là các quyết định TUE đó đã được báo cáo theo Điều 5.5. Nếu TUE



của vận động viên thuộc loại TUE được tự động công nhận, thì tại thời điểm TUE được cấp, VĐV không phải làm gì nữa. Tổ chức phòng chống Doping có thể không cần phải đánh giá TUE thêm một khi đã tự động được công nhận.

Chú giải Điều 7.1 (a): Việc tự động công nhận các quyết định của TUE có thể làm giảm gánh nặng cho các Vận động viên. Tuy nhiên, các Liên đoàn quốc tế và Tổ chức giải đấu lớn nên lựa chọn cẩn thận các Tổ chức phòng chống Doping và/hoặc các chất mà họ sẽ tự động công nhận. Nếu một Liên đoàn quốc tế hoặc Tổ chức giải đấu lớn sẵn sàng cấp quyền công nhận tự động các quyết định của TUE, họ nên công bố trên trang web của mình và cập nhật danh sách các Tổ chức chống Doping mà họ sẽ tự động công nhận các quyết định của TUE và/hoặc danh sách các Chất cấm mà các quyết định của TUE sẽ được tự động công nhận.

b) Trong trường hợp không được tự động công nhận, vận động viên phải gửi yêu cầu công nhận TUE cho Liên đoàn Quốc tế hoặc Cơ quan tổ chức giải đấu lớn, hoặc thông qua ADAMS, hoặc theo quy định của Liên đoàn Quốc tế hoặc Cơ quan tổ chức giải đấu lớn đó.

Chú giải Điều 7.1(b): Việc công nhận chỉ dựa trên việc đáp ứng các điều kiện của Điều 4.2. Theo đó, thời hạn TUE không phải là lý do duy nhất để từ chối công nhận (trừ khi liên quan đến việc đáp ứng các điều kiện của Điều 4.2). Khi áp dụng, thời gian TUE phải được hướng dẫn theo Hướng dẫn dành cho Bác sĩ của WADA về TUE.

7.2 Các hồ sơ TUE chưa hoàn thiện sẽ được trả lại cho Vận động viên để hoàn thiện và nộp lại. Ngoài ra, TUEC có thể yêu cầu Vận động viên hoặc bác sĩ bổ sung bất kỳ thông tin nào, kết quả khám bệnh, chẩn đoán hình ảnh, hoặc thông tin khác mà họ cho là cần thiết để xét duyệt TUE của Vận động viên; và có thể lấy ý kiến của chuyên gia y tế hoặc các nhà khoa học khác nếu cần thiết.



7.3 Vận động viên sẽ chịu mọi chi phí cho việc nộp đơn đăng ký TUE và bổ sung theo yêu cầu của TUEC.

7.4 TUEC sẽ quyết định xét duyệt Đơn sớm hay không. Thông thường (trừ các trường hợp ngoại lệ) TUEC sẽ giải quyết trong vòng không quá hai mươi một (21) ngày kể từ ngày nhận được Đơn đăng ký đầy đủ. Trong trường hợp đơn đăng ký TUE được gửi một thời gian ngắn trước khi diễn ra Giải đấu, TUEC phải nỗ lực khẩn trương đưa ra quyết định trước khi bắt đầu Giải đấu.

7.5 Quyết định của TUEC phải được thông báo bằng văn bản cho Vận động viên và phải được cung cấp cho WADA và các Tổ chức phòng chống Doping khác thông qua ADAMS. Quyết định không chấp thuận TUE phải giải thích lý do tại sao không chấp thuận.

7.6 Nếu Liên đoàn quốc tế chọn kiểm tra xét nghiệm một Vận động viên không phải là Vận động viên cấp Quốc tế, thì Liên đoàn phải công nhận TUE do Tổ chức phòng chống Doping quốc gia của vận động viên đó cấp. Trừ khi Vận động viên được yêu cầu đăng ký công nhận TUE theo Điều 5.8 và 7.0 vì Vận động viên đang thi đấu trong một Giải đấu Quốc tế.

8.0 WADA xem xét lại các Miễn trừ do điều trị

8.1 Điều 4.4.6 Bộ Luật quy định rằng WADA, trong một số trường hợp nhất định, có quyền xét lại các quyết định TUE của các Liên đoàn Quốc tế. Và WADA cũng có quyền xét lại các quyết định TUE, để xác định việc tuân thủ các điều kiện của Điều 4.1 và 4.2. Liên quan đến các điều kiện của Điều 4.2, WADA sẽ thành lập một WADA TUEC xem xét các yêu cầu của Điều 5.3 để thực hiện đánh giá. Liên quan đến các điều kiện của Điều 4.1, các điều kiện này có thể được WADA xem xét (có thể tham khảo ý kiến của các thành viên của WADA TUEC).



8.2 Các yêu cầu phải được gửi đến WADA bằng văn bản và phải thanh toán lệ phí theo quy định WADA, cũng như bản sao các thông tin quy định tại Điều 6.4 (trong trường hợp xem xét từ chối TUE, tất cả thông tin mà Vận động viên đã gửi liên quan đến đơn đăng ký TUE ban đầu) phải gửi bản sao tới Tổ chức phòng chống Doping và cho Vận động viên (nếu người đó không yêu cầu xét lại).

8.3 Trong trường hợp yêu cầu xem xét lại quyết định TUE mà WADA không có nghĩa vụ phải xem xét, WADA sẽ thông báo cho Vận động viên sớm sau khi nhận được yêu cầu xét lại quyết định TUE. Bất kỳ quyết định nào của WADA về việc không xét lại quyết định TUE là quyết định cuối cùng và có thể không kháng nghị. Tuy nhiên, quyết định TUE vẫn có thể được kháng nghị, nếu theo quy định Điều 4.4.7 trong Bộ Luật.

8.4 Trong trường hợp yêu cầu xem xét lại quyết định TUE của một Liên đoàn quốc tế mà WADA có nghĩa vụ xem xét, WADA có thể chuyển quyết định đó trở lại Liên đoàn quốc tế (a) để làm rõ (ví dụ, nếu lý do không được nêu rõ ràng trong quyết định); hoặc (b) để Liên đoàn Quốc tế xem xét lại (ví dụ, nếu TUE bị từ chối do các xét nghiệm y tế hoặc thiếu các thông tin cần thiết theo điều kiện của Điều 4.2).

Chú giải Điều 8.4: Nếu một Liên đoàn quốc tế từ chối công nhận TUE do Tổ chức phòng chống doping quốc gia cấp chỉ vì thiếu các xét nghiệm y tế hoặc thông tin khác cần thiết để chứng minh việc đáp ứng các điều kiện của Điều 4.2, thì vấn đề đó không nên được chuyển đến WADA. Thay vào đó, hồ sơ nên được hoàn thành và nộp lại cho Liên đoàn quốc tế.

8.5 Khi yêu cầu xem xét được chuyển đến WADA TUEC, WADA TUEC có thể lấy thêm thông tin từ Tổ chức phòng chống doping và Vận động viên, bao gồm các



ngiên cứu sâu hơn như trong Điều 6.7, và có thể lấy ý kiến của chuyên gia y tế hoặc các nhà khoa học khác nếu cần thiết.

8.6 WADA sẽ hủy các TUE đã được công nhận nếu không tuân thủ điều kiện theo Điều 4.1 và 4.2 (nếu có). Trong trường hợp TUE bị hủy bỏ (không phải TUE hồi tố), việc hủy bỏ đó sẽ có hiệu lực vào ngày do WADA chỉ định (sẽ không sớm hơn ngày WADA thông báo cho Vận động viên). Việc hủy bỏ sẽ không áp dụng hồi tố. Và kết quả của Vận động viên trước khi có thông báo như vậy sẽ không bị loại. Tuy nhiên, khi TUE bị hủy bỏ là TUE có hiệu lực hồi tố, thì nó cũng sẽ có hiệu lực trở về trước.

8.7 WADA sẽ hủy bỏ việc từ chối TUE khi TUE đáp ứng các điều kiện của Điều 4.1 và 4.2 (nếu có), tức là họ sẽ cấp TUE.

8.8 Trong trường hợp WADA xem xét quyết định của một Liên đoàn quốc tế theo Điều 4.4.3 của Bộ Luật (xem xét bắt buộc), thì Tổ chức đó có thể yêu cầu bất kỳ Tổ chức phòng chống doping nào “bỏ qua” việc xem xét lại (ví dụ: Tổ chức phòng chống doping có quan điểm không ủng hộ) (a) hoàn trả phí nộp đơn cho bên đã đưa yêu cầu lên WADA (nếu có); và (b) thanh toán các chi phí mà WADA phải chi cho việc xem xét đó, trong phạm vi không được chi trả bởi phí nộp đơn.

8.9 Trong trường hợp WADA hủy bỏ quyết định TUE để WADA đã xem xét lại, WADA có thể yêu cầu Tổ chức phòng chống Doping đã ra quyết định TUE thanh toán các chi phí WADA chi trả liên quan đến việc xem xét đó.

8.10 Nếu có thể, WADA sẽ thông báo ngay quyết định cuối cùng của WADA TUEC cho Vận động viên và cho Tổ chức phòng chống doping quốc gia và Liên đoàn quốc tế (nếu có, như là Đơn vị tổ chức giải đấu lớn).

9.0 Bảo mật thông tin



9.1 Việc xử lý thông tin cá nhân trong quá trình xử lý TUE của các Tổ chức phòng chống Doping sẽ phải tuân theo Tiêu chuẩn quốc tế về bảo vệ Quyền riêng tư và thông tin cá nhân. Các Tổ chức phòng chống Doping phải đảm bảo đủ cơ sở pháp lý trong quá trình thu thập thông tin, phù hợp với pháp luật hiện hành và Tiêu chuẩn quốc tế về bảo vệ Quyền riêng tư và thông tin cá nhân.

9.2 Các Tổ chức phòng chống Doping phải thông báo bằng văn bản cho các vận động viên mọi thông tin liên quan đến đơn xin được cấp hoặc công nhận TUE theo Điều 7.1 Tiêu chuẩn quốc tế về bảo vệ quyền riêng tư và thông tin cá nhân.

a) Tất cả thông tin đơn đăng ký sẽ được chuyển đến các thành viên TUEC có thẩm quyền theo Tiêu chuẩn quốc tế, sẽ xem xét hồ sơ và yêu cầu các chuyên gia y tế hoặc nhà khoa học độc lập, tất cả các nhân viên (bao gồm cả nhân viên WADA) liên quan đến việc quản lý, xem xét hoặc kháng nghị các Đơn xin cấp TUE;

b) Vận động viên phải đồng ý cho các bác sĩ của mình tiết lộ cho bất kỳ TUEC nào những thông tin sức khỏe nào mà TUEC đó cho là cần thiết để xem xét và xác định đơn đăng ký của Vận động viên; và

c) Quyết định về đơn đăng ký sẽ được cung cấp cho tất cả các Tổ chức Chống Doping có thẩm quyền xét nghiệm và quản lý kết quả của Vận động viên.

Chú giải Điều 9.2: Trong trường hợp các Tổ chức phòng chống Doping dựa trên sự đồng ý của Vận động viên để xử lý Thông tin cá nhân liên quan đến quy trình TUE, Vận động viên xin cấp hoặc công nhận TUE sẽ đồng ý bằng văn bản một cách rõ ràng những điều đã nói ở trên.

9.3 Đơn xin cấp TUE sẽ được xử lý theo các nguyên tắc bảo mật y tế nghiêm ngặt. Các thành viên TUEC liên quan, các chuyên gia độc lập được mời tham vấn và các nhân viên của Tổ chức phòng chống Doping sẽ tiến hành tất cả các hoạt động theo



một quy trình nghiêm ngặt và sẽ ký các thỏa thuận bảo mật thích hợp. Đặc biệt, họ phải giữ bí mật những thông tin sau:

- a) Tất cả thông tin y tế của Vận động viên và bác sĩ liên quan đến việc chăm sóc Vận động viên; và
- b) Tất cả thông tin của đơn đăng ký, bao gồm tên các bác sĩ tham gia vào quá trình này.

9.4 Nếu Vận động viên muốn thu hồi quyền nắm giữ thông tin y tế của TUEC, Vận động viên phải thông báo cho bác sĩ của mình bằng văn bản về việc thu hồi đó. Với việc thu hồi thông tin, đơn đăng ký TUE của Vận động viên hoặc xin công nhận TUE hiện có sẽ bị thu hồi mà không bị kháng nghị

9.5 Các tổ chức phòng chống doping sẽ chỉ sử dụng thông tin do Vận động viên gửi cùng với Đơn đăng ký TUE để đánh giá đơn đăng ký trong bối cảnh tiềm ẩn tố tụng vi phạm quy định phòng chống doping.

PHỤ LỤC 1: ĐIỀU 4.4. BỘ LUẬT – LƯU ĐỒ**1. Thủ tục TUE nếu Vận động viên không phải là Vận động viên cấp quốc tế khi cần TUE**